

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Trần Thị Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P. K. T, sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh H. V. T1, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị P. K. T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 kết hôn và chung sống vào năm 2014, đến năm 2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng còn mâu thuẫn nhau về chi tiêu trong gia đình, thường xuyên gây gổ cãi vã nhau. Chị và anh T1 ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T1 không gặp nhau, không hòa giải hàn gắn gia đình. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 không có con chung

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12-5-2021, chị P. K. T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn- anh H. V.T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu T1 đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh H. V. T1 không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu không đảm bảo theo quy định, vi phạm Điều 220 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết, anh T1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh T1 cố tình vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1.

Về con chung: chị T và anh T1 không có con chung, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị P. K. T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 có địa chỉ cư trú tại huyện B, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý và giải quyết là

đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh T1 đã được triệu T1 hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2020, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2020, ngày 14-02-2020 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn nhau về chi tiêu trong gia đình và nghi ngờ tình cảm của nhau, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã nhau. Chị T và anh T1 đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay, nhưng anh T1 không gặp gỡ chị T để hòa giải hàn gắn, đoàn tụ với chị T. Từ đó cho thấy anh T1 cũng không có thiện chí muốn đoàn tụ với chị T. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung,

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P. K. T phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P. K. T đối với anh H. V. T1. Chị T được ly hôn với anh T1.

2. Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị P. K. T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0014628 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Anh H. V. T1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Chị P. K. T, anh H. V. T1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Tâm